

Số:/GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-UB/MTg ngày 25 tháng 5 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiquel Yamamura;

Xét Văn bản số 15/CV-SMYHG ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở “Nhà máy sản xuất chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 513/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh” tại số 17A phố Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (trước đây là phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Nhà máy sản xuất chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 17A phố Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0200125285 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 03 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0200125285.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 35.000m².

- Nhóm Dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: 38.400 tấn/năm (sản phẩm: chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh).

+ Quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (cát trắng, đá vôi, tràng thạch, thủy tinh vụn) → Cân định lượng và trộn → Nấu → Định hình sản phẩm → Cắt giọt thủy tinh → Hấp sản phẩm → Kiểm tra sản phẩm → In ấn (nếu có) → Đóng gói sản phẩm. Sản phẩm

lỗi, hỏng được sửa chữa hoặc nghiền tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình công nghệ sản xuất (đối với các sản phẩm lỗi, hỏng không có khả năng sửa chữa).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: đến ngày 04 tháng 01 năm 2030 (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Ngô Quyền;
- Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà bếp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà văn phòng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xưởng sản xuất chai, lọ và bao bì bằng thủy tinh.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xưởng cơ điện.
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát và xả giọt thủy tinh.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cấm, đoạn chảy qua địa bàn phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Cơ sở trước khi chảy vào đường ống D500 thoát nước thải chung cùng Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu
- Nước giải khát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2309110.140$; $Y(m) = 599147.528$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $370 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nước thải công nghiệp: $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống D110 tự chảy ra vị trí xả nước thải và đầu nối vào đường ống D500 thoát nước thải chung cùng Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát, chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng), qua cống Máy Đền xả thải vào sông Cấm. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận là tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với $K = 1,2$) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 1,2$, $K_f = 1,1$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5-9	03 tháng/lần (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	66		
3	COD		198		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	132		
5	Cd	mg/l	0,132		
6	Cu	mg/l	2,64		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13,2		
8	Tổng Nitơ	mg/l	52,8		
9	Tổng Photpho	mg/l	7,92		
10	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,66		
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
12	Amoni	mg/l	12		
13	Nitrat (NO ₃)(tính theo N)	mg/l	60		
14	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
15	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
16	Coliform	MPN/100 ml	5.000		

*** Ghi chú:**

- Thông số các chất ô nhiễm trong nước thải từ số thứ tự 1 đến 10, tuân thủ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 1,2$, $K_f = 1,1$).

- Thông số các chất ô nhiễm trong nước thải từ số thứ tự 11 đến 16, tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với $K = 1,2$).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn, phòng ăn của Khu vực nhà bếp → Đường ống D60 → Bể tách mỡ → Đường ống D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh tại Khu nhà bếp → Đường ống D110 → Bể tự hoại → Bể thu gom số 02 → Đường ống D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh tại Khu nhà bếp → Đường ống D110 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 2:

+ Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh tại nhà văn phòng → Đường ống D110 → Bể tự hoại → Bể thu gom số 01 → Đường ống D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh tại nhà văn phòng → Đường ống D110 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 3:

+ Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh tại xưởng sản xuất chai lọ → Đường ống D110 → Bể tự hoại → Bể thu gom 03, bể thu gom 04 → Đường ống D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh tại xưởng sản xuất chai lọ → Đường ống D110 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 4:

+ Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh tại xưởng cơ điện → Đường

ống D110 → Bể tự hoại → Bể thu gom 04 → Đường ống D90 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh tại xưởng cơ điện → Đường ống D110 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nguồn số 5: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát và xả giọt thủy tinh → Đường ống D200 → Bể trung gian → Hồ ga kỹ thuật → Đường ống D200 → Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 02 ngăn:

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Dung tích: 04 bể tự hoại 02 ngăn, tổng dung tích thiết kế 50 m³.

1.2.2. Bể tách mỡ:

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn, phòng ăn của Khu vực nhà bếp → Ngăn tách mỡ → Ngăn chứa nước thải sau khi tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Dung tích: 01 bể tách mỡ, dung tích thiết kế 0,2 m³.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → Bể thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Hồ ga xả thải → Đường ống D500 thoát nước thải chung cùng Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát → Hệ thống thoát nước chung trên đường Ngô Quyền → Công Máy Đền → Sông Cấm. Bùn dư tại ngăn lắng, một phần được hồi lưu về ngăn thiếu khí, một phần bùn thải được lưu giữ tại ngăn chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: cón công nghiệp, clorin khử trùng.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát và xả giọt thủy tinh → Bể tách dầu → Vách ngăn inox (thả vật liệu thấm hút dầu) → Ngăn lọc → Ngăn chứa nước sau xử lý → Hồ ga xả thải → Đường ống D500 thoát nước thải chung cùng Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát → Hệ thống thoát nước chung trên đường Ngô Quyền → Công Máy Đền → Sông Cấm. Bùn thải định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung, công suất thiết kế: 350 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: tấm thấm dầu, cát, sỏi (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A phụ lục này).

1.2.5. Công trình, thiết bị xử lý nước làm mát:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước sau khi làm mát tại lò nấu thủy tinh → Tháp giải nhiệt → Bể chứa nước sau tháp giải nhiệt → Tuần hoàn làm mát cho lò nấu thủy tinh, không xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 06 tháp giải nhiệt (2 tháp hoạt động, 4 tháp dự phòng), làm mát cho lò nấu thủy tinh, công suất thiết kế 10.000 lít/giờ/tháp giải nhiệt.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Bố trí nguồn lực để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi các hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa khắc phục sự cố sẽ không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh (nguồn số 1 đến nguồn số 4) được lưu giữ tạm thời tại các bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nguồn số 05 được lưu giữ tạm thời tại bể trung gian, bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Khi sự cố của các hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể không còn khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm

được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm.
- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải trước hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.

- Nước thải tại vị xả nước thải của Cơ sở.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ các thông số giám sát nước thải công nghiệp quy định tại mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ Cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường khi chưa được xử lý đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được cấp.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.. ... tháng. ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: có 01 nguồn phát sinh khí thải từ lò nấu thủy tinh.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải ra môi trường:

2.1. Vị trí xả khí thải ra môi trường:

Dòng khí thải: có 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò nấu thủy tinh. Tọa độ: X(m) = 2309083; Y(m) = 599164 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải ra môi trường lớn nhất: 60.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải ra môi trường: liên tục hoặc gián đoạn theo chế độ sản xuất của Cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2019/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (Cột B, K_p = 0,9, K_v = 0,6) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	108		
3	SO ₂	mg/Nm ³	270		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	459		
5	CO	mg/Nm ³	540		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ lò nấu thủy tinh → Buồng thu hồi, tái sinh nhiệt (có bổ sung gạch chịu lửa để hấp phụ khí thải) → Ống dẫn khí thải → Quạt hút → Ống xả khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò nấu thủy tinh.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Buồng thu hồi, tái sinh nhiệt → Ống dẫn khí thải → Quạt hút → Ống xả khí thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 60.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: gạch chịu lửa.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý khí thải như quạt hút. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý khí thải không đáp ứng yêu cầu, Chủ Cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý khí thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

3.4. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được cấp.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm).
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy nghiền mảnh.
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy trộn phối liệu.
- Nguồn số 05: Hoạt động tạo hình sản phẩm.
- Nguồn số 06: Hoạt động của máy nén khí.
- Nguồn số 07: Hoạt động của máy in nhãn.
- Nguồn số 08: Hoạt động của dây chuyền sản xuất thủy tinh tại phân xưởng chính.
- Nguồn số 09: Hoạt động của máy chân không.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Các thiết bị có công suất lớn, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày thángnăm
2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	5.000	NH
2	Giẻ lau dầu mỡ thải, tấm thấm dầu thải	Rắn	18 02 01	6.500	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	60	NH
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	75	NH
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	135	KS
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	30.000	KS
TỔNG KHỐI LƯỢNG				41.770	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy caton + nilon + băng dính	1.250
2	Đồ bảo hộ lao động hỏng (găng tay không dính dầu, hóa chất độc hại; kính bảo hộ, giày..)	120
3	Gạch chịu lửa thải	25.000
4	Các loại chất thải không nguy hại khác	23.130
Tổng		49.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 11.760 kg/tháng.

1.4. Khối lượng chất thải khác:

- Bùn thải từ bể tự hoại khoảng 10 tấn/năm.
- Bùn thải từ bể tách mỡ khoảng 3 tấn/năm.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 11 tấn/năm.
- Bùn thải từ hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải khoảng 40 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chứa: 01 kho chứa, diện tích 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo:

Kho chứa khép kín, có mái che và trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, đảm bảo quy cách khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: 01 kho chứa, diện tích 28 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa khép kín, có mái che và trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, đảm bảo quy cách khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu giữ: bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 10m². Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa có màu khác nhau theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công kênh được thu gom, phân loại tại nguồn, vận chuyển về khu vực tập kết, diện tích 21 m² và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải khác:

- Bùn thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ, định kỳ nạo vét và chuyển giao đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải được phân định, chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày thángnăm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chủ Cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
